



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH
GIÁO DỤC TẠI TP HỒ CHÍ MINH
Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016**

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
Báo cáo tài chính giữa niên độ	
• Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07 tháng 04 năm 2004 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103002336 ngày 20 tháng 05 năm 2004. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 12 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 15 tháng 04 năm 2016 với mã số doanh nghiệp là 0303280405. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Vốn điều lệ: 41.370.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2016 của Công ty là 41.370.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 15,28% vốn điều lệ.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SGD.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 363 Hưng Phú, Phường 9, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84) 08.39540600
- Fax: (84) 08.39540598
- Website: www.sgd.edu.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Xuất bản sách (Chi tiết: In và mua bán các loại sách xuất bản của Nhà Xuất bản Giáo dục theo quy định của Nhà Xuất bản Giáo dục; mua bán văn hóa phẩm, ấn phẩm của các Nhà Xuất bản khác);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Mua bán thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Chi tiết: Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không hoạt động tại trụ sở));
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (thực hiện theo Khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản));
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng hóa có liên quan đến ngành nghề, phạm vi kinh doanh của công ty);
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất tập học sinh (không tái chế phế thải, sản xuất bột giấy tại trụ sở));
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn máy lọc nước).

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 37 người. Trong đó nhân viên quản lý là 9 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|----------------------------|----------|------------------------------|
| • Ông Ngô Trọng Vinh | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 08/03/2014 |
| • Bà Nguyễn Thị Lan Phương | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Ông Phạm Cảnh Toàn | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| | | Miễn nhiệm ngày 08/03/2016 |
| • Ông Đỗ Thành Lâm | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Ông Nguyễn Trọng Hà | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 08/03/2014 |
| • Bà Trần Thị Mỹ | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 08/03/2016 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|---------------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Phan Xuân Phương | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Bà Huỳnh Thị Thùy Trang | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Bà Đỗ Thị Phương Thảo | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|----------------------------|----------------|------------------------------|
| • Ông Nguyễn Tuấn Kiệt | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 08/03/2016 |
| • Ông Phạm Cảnh Toàn | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 08/03/2014 |
| | | Miễn nhiệm ngày 08/03/2016 |
| • Ông Ngô Trọng Vinh | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 08/03/2014 |
| • Bà Nguyễn Thị Lan Phương | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

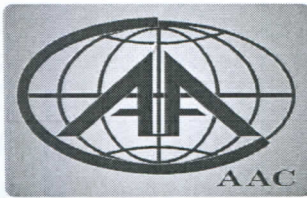
Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Thay mặt Ban Giám đốc
Phó Giám đốc

Nguyễn Tuấn Kiệt

Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2016



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 828/2016/BCSX-AAC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, được lập ngày 15/08/2016 của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 33.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 "Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện".

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2016 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Lâm Quang Tú - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 08 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		46.666.661.725	35.213.199.214
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	7.895.179.712	11.068.713.062
1. Tiền	111		3.895.179.712	2.668.713.062
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.000.000.000	8.400.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.305.231.700	1.937.231.660
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6.a	2.377.580.560	2.147.066.380
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6.a	(72.348.860)	(209.834.720)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19.688.544.115	11.710.492.725
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	20.268.454.471	11.875.476.039
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	284.238.118	529.366.771
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9.a	471.323.388	442.497.185
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(1.335.471.862)	(1.136.847.270)
IV. Hàng tồn kho	140	11	16.478.250.175	10.305.131.055
1. Hàng tồn kho	141		18.999.054.866	12.431.977.526
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.520.804.691)	(2.126.846.471)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		299.456.023	191.630.712
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	130.230.812	80.290.781
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19.b	169.225.211	111.339.931
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		35.065.649.440	34.362.337.166
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.117.450.000	1.117.450.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	9.b	1.117.450.000	1.117.450.000
II. Tài sản cố định	220		10.591.286.179	7.573.185.980
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	4.123.129.307	1.105.029.108
- Nguyên giá	222		5.560.454.146	2.323.963.878
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.437.324.839)	(1.218.934.770)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	6.468.156.872	6.468.156.872
- Nguyên giá	228		6.468.156.872	6.468.156.872
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230	15	9.991.179.330	9.991.179.330
- Nguyên giá	231		10.438.812.805	10.438.812.805
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(447.633.475)	(447.633.475)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	3.037.559.656
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	-	3.037.559.656
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		12.285.035.700	12.285.035.700
1. Đầu tư vào công ty con	251	6.b	11.445.035.700	11.445.035.700
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6.b	840.000.000	840.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.080.698.231	357.926.500
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	1.080.698.231	357.926.500
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		81.732.311.165	69.575.536.380

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		26.947.618.311	14.686.412.764
I. Nợ ngắn hạn	310		26.947.618.311	14.686.412.764
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	20.565.862.336	9.613.704.270
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	265.421.017	45.144.483
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19.a	262.109.888	121.726.914
4. Phải trả người lao động	314		1.335.352.042	1.843.539.139
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	4.501.635.010	3.022.109.940
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	9.403.500	32.353.500
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.834.518	7.834.518
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		54.784.692.854	54.889.123.616
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	54.784.692.854	54.889.123.616
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	22	41.370.000.000	41.370.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		41.370.000.000	41.370.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	22	2.227.438.218	1.712.000.000
3. Cổ phiếu quỹ	415	22	(679.873.904)	(2.035.282.090)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	22	4.894.634.920	4.894.634.920
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	22	6.972.493.620	8.947.770.786
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.826.470.786	4.712.107.536
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.146.022.834	4.235.663.250
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		81.732.311.165	69.575.536.380



Phó Giám đốc
Nguyễn Tuấn Kiệt

Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2016

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Bùi Tuyết Mai

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
GIỮA NIÊN ĐỘ**
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	23	43.134.340.056	37.774.037.903
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	22.577.250	174.323.683
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		43.111.762.806	37.599.714.220
4. Giá vốn hàng bán	11	25	35.608.414.979	30.166.877.929
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>7.503.347.827</u>	<u>7.432.836.291</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	604.191.213	470.330.480
7. Chi phí tài chính	22	27	(137.485.860)	83.135.671
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	28	2.654.374.075	2.566.793.208
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	2.905.994.277	2.805.089.191
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>2.684.656.548</u>	<u>2.448.148.701</u>
11. Thu nhập khác	31	29	4.545.455	-
12. Chi phí khác	32	30	54.282.672	-
13. Lợi nhuận khác	40		<u>(49.737.217)</u>	<u>-</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>2.634.919.331</u>	<u>2.448.148.701</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	488.896.497	504.681.915
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>2.146.022.834</u>	<u>1.943.466.786</u>



Nguyễn Tuấn Kiệt
Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2016

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Bùi Tuyết Mai

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
GIỮA NIÊN ĐỘ**
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu Năm 2016	6 tháng đầu Năm 2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.634.919.331	2.448.148.701
2. Điều chỉnh cho các khoản	02	218.390.069	263.924.676
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	03	455.096.952	491.208.063
- Các khoản dự phòng	05	(604.191.213)	(470.330.480)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	08	2.704.215.139	2.732.950.960
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	09	(8.277.098.762)	(4.218.683.180)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	10	(6.567.077.340)	(7.385.969.499)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	11	12.049.254.004	12.507.101.546
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	12	(772.711.762)	(240.608.892)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	13	(230.514.180)	(310.253.700)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	15	(276.944.954)	(375.286.292)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	(46.800.000)	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	20	<u>(1.417.677.855)</u>	<u>2.709.250.943</u>
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(198.930.612)	(2.199.453.452)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	-	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	615.228.713	476.948.536
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	<u>416.298.101</u>	<u>(1.722.504.916)</u>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	1.870.846.404	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.043.000.000)	(3.855.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	<u>(2.172.153.596)</u>	<u>(3.855.600.000)</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	<u>(3.173.533.350)</u>	<u>(2.868.853.973)</u>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	11.068.713.062	20.864.777.723
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	<u>7.895.179.712</u>	<u>17.995.923.750</u>



Phó Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Nguyễn Tuấn Kiệt

Nguyễn Thị Lan Phương

Bùi Tuyết Mai

Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT – BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07 tháng 04 năm 2004 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103002336 ngày 20 tháng 05 năm 2004. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 12 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 15 tháng 04 năm 2016 với mã số doanh nghiệp là 0303280405. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Vốn điều lệ: 41.370.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2016 của Công ty là 41.370.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 15,28% vốn điều lệ.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SGD.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Xuất bản sách (Chi tiết: In và mua bán các loại sách xuất bản của Nhà Xuất bản Giáo dục theo quy định của Nhà Xuất bản Giáo dục; mua bán văn hóa phẩm, ấn phẩm của các Nhà Xuất bản khác);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Mua bán thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Chi tiết: Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không hoạt động tại trụ sở));
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (thực hiện theo Khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản));
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng hóa có liên quan đến ngành nghề, phạm vi kinh doanh của công ty);
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất tập học sinh (không tái chế phế thải, sản xuất bột giấy tại trụ sở));
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn máy lọc nước).

1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/06/2016, Công ty có 1 công ty con: Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Đồng Nai

Địa chỉ: Số 10 Võ Thị Sáu, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa

Ngành nghề kinh doanh chính: Mua bán sách giáo khoa, sách bài tập, sách tham khảo, các loại ấn phẩm, cung ứng thiết bị trường học.

Tỷ lệ sở hữu: 50,84%

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Riêng Báo cáo tài chính này lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016 (từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán và các công cụ tài chính khác (thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi,...) được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh thấp hơn giá gốc.

Đầu tư vào công ty con và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Công ty con là một doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Mỗi quan hệ là công ty con thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư

Các khoản đầu tư vào công ty con và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty con được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty. Riêng khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc, thiết bị	3
Phương tiện vận tải	6
Tài sản cố định khác	4

4.6 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất không thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

4.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Riêng các bất động sản đầu tư chờ tăng giá để bán được phản ánh theo giá ghi sổ sau khi trừ đi phần tổn thất do giảm giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.9 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại.

4.10 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức, lợi nhuận trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.13 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.14 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.15 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.16 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.18 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.19 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
 - ✓ Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa, giáo trình: Thuộc đối tượng không chịu thuế.
 - ✓ Các loại từ điển và các loại sách tham khảo không thuộc loại hỗ trợ sách giáo khoa: Áp dụng thuế suất 5%.
 - ✓ Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2016	01/01/2016
Tiền mặt	153.714.932	272.314.073
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.741.464.780	2.396.398.989
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn dưới 3 tháng	4.000.000.000	8.400.000.000
Cộng	7.895.179.712	11.068.713.062

6. Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Tổng giá trị cổ phiếu	2.377.580.560	2.351.500.000	(72.348.860)	2.147.066.380	1.983.499.960	(209.834.720)
+ Công ty CP Sách GD tại TP Hà Nội (EBS)	1.805.534.680	1.733.600.000	(71.934.680)	1.805.534.680	1.595.699.960	(209.834.720)
+ Công ty CP Đầu tư và Phát triển GD Hà Nội (EID)	341.531.700	387.800.000	-	341.531.700	387.800.000	-
+ Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận (BST)	230.514.180	230.100.000	(414.180)			
Cộng	2.377.580.560	2.351.500.000	(72.348.860)	2.147.066.380	1.983.499.960	(209.834.720)

Biến động trong kỳ

	Tăng trong kỳ		Giảm trong kỳ	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Tổng giá trị cổ phiếu	17.700	230.514.180	-	-
+ Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận (BST)	17.700	230.514.180		
Cộng	17.700	230.514.180	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	30/06/2016			01/01/2016	
				Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con					11.445.035.700	-	11.445.035.700	-
- Công ty CP Sách và TBTH Đồng Nai (i)	<i>Đang hoạt động</i>	50,84%	50,84%	925.300	11.445.035.700	-	11.445.035.700	-
Đầu tư vào đơn vị khác					840.000.000	-	840.000.000	-
- Công ty CP Thiết bị Trường học Sóc Trăng (ii)	<i>Đang hoạt động</i>	5,30%	5,30%	46.200	840.000.000	-	840.000.000	-
Cộng					12.285.035.700	-	12.285.035.700	-

(i) Công ty CP Sách và TBTH Đồng Nai đang có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn.

(ii) Cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty chưa nhận được Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2016 của Công ty CP Thiết bị Trường học Sóc Trăng và cổ phiếu của Công ty này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của cổ phiếu này tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Do đó, khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Error! Not a valid link.

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Công ty liên quan	30/06/2016	01/01/2016
Công ty CP Học Liệu (EMCO)	220.061.470	145.312.010
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường học Đồng Nai	288.902.359	204.036.263
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	-	148.772.621
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Tiền Giang	710.421.840	320.751.124
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	182.160.260	159.601.023
Công ty CP Sách và Thiết bị Vĩnh Long	354.343.300	496.369.724
Công ty CP Đầu tư và Phát Triển Giáo dục Phương Nam	2.676.851.681	-
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	190.240.595	332.406.130
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền trung	173.914.000	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Bến Tre	121.729.010	-
Công ty CP Dịch Vụ Xuất Bản Giáo dục tại Đà Nẵng	215.580.000	-
Cộng	5.134.204.515	1.807.248.895

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ kỹ thuật Thành Đạt	283.237.968	434.160.968
Các đối tượng khác	1.000.150	95.205.803
Cộng	284.238.118	529.366.771

9. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	7.784.722	-	18.822.222	-
Tạm ứng	249.519.226	-	93.298.963	-
Ký quỹ	165.300.000	-	252.076.000	-
Phải thu khác	48.719.440	-	78.300.000	-
Cộng	471.323.388	-	442.497.185	-

b. Dài hạn

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (*)	1.117.450.000	-	1.117.450.000	-
Cộng	1.117.450.000	-	1.117.450.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

(*) Là khoản góp vốn với Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Hợp đồng số 005/SGD/2014/ĐTXB ngày 25/08/2014 để tham gia đầu tư vào Quỹ đầu tư xuất bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam cho hoạt động xuất bản sách giáo khoa và sách bổ trợ. Thời gian hợp tác đầu tư là 5 năm.

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2016	01/01/2016
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn:		
+ Trên 3 năm	994.087.069	1.010.114.069
+ Từ 2 năm đến dưới 3 năm	292.982.983	10.843.664
+ Từ 1 năm đến dưới 2 năm	48.401.810	92.836.978
+ Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	-	23.052.559
Cộng	1.335.471.862	1.136.847.270

11. Hàng tồn kho

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	846.184.300	-	392.656.806	-
Chi phí SX, KD dở dang	2.339.733.935	-	2.711.009.855	-
Thành phẩm	15.675.897.062	2.520.804.691	9.256.351.943	2.126.846.471
Hàng hóa	137.239.569	-	71.958.922	-
Cộng	18.999.054.866	2.520.804.691	12.431.977.526	2.126.846.471

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, khó tiêu thụ tại thời điểm 30/06/2016 là: 1.891.250.542 đồng.

Không có hàng tồn kho cầm cố, thế chấp để đảm bảo các khoản nợ phải trả tại thời điểm 30/06/2016.

12. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	77.168.637	68.000.000
Chi phí trả bảo hiểm chờ phân bổ	53.062.175	12.290.781
Cộng	130.230.812	80.290.781

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Dài hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Chi phí tổ chức bản thảo	1.080.698.231	357.926.500
Cộng	<u>1.080.698.231</u>	<u>357.926.500</u>

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	352.634.937	-	1.813.624.453	157.704.488	2.323.963.878
Mua sắm trong kỳ	-	57.158.380	-	-	57.158.380
Đ/tư XD/CB h/thành	3.179.331.888	-			3.179.331.888
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>3.531.966.825</u>	<u>57.158.380</u>	<u>1.813.624.453</u>	<u>157.704.488</u>	<u>5.560.454.146</u>
Khấu hao					
Số đầu kỳ	176.317.462	-	1.032.760.777	9.856.531	1.218.934.770
Khấu hao trong kỳ	75.407.848	9.526.397	113.742.764	19.713.060	218.390.069
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>251.725.310</u>	<u>9.526.397</u>	<u>1.146.503.541</u>	<u>29.569.591</u>	<u>1.437.324.839</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	176.317.475	-	780.863.676	147.847.957	1.105.029.108
Số cuối kỳ	<u>3.280.241.515</u>	<u>47.631.983</u>	<u>667.120.912</u>	<u>128.134.897</u>	<u>4.123.129.307</u>

Nguyên giá Tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2016 là 769.438.551 đồng.
Không có tài sản cố định đang cầm cố, thế chấp tại ngày 30/06/2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất 363 Hưng Phú	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu kỳ	6.468.156.872	6.468.156.872
Mua trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	6.468.156.872	6.468.156.872
Khấu hao		
Số đầu kỳ	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	-	-
Giá trị còn lại		
Số đầu kỳ	6.468.156.872	6.468.156.872
Số cuối kỳ	6.468.156.872	6.468.156.872

Quyền sử dụng đất lâu dài tại số nhà 363 Hưng Phú, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 151,2 m². Mục đích sử dụng: dùng để xây dựng văn phòng làm việc Công ty.

15. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất huyện Bình Chánh	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu kỳ	10.438.812.805	10.438.812.805
Chuyển từ TSCĐ vô hình sang	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	10.438.812.805	10.438.812.805
Khấu hao		
Số đầu kỳ	447.633.475	447.633.475
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	447.633.475	447.633.475
Giá trị còn lại		
Số đầu kỳ	9.991.179.330	9.991.179.330
Số cuối kỳ	9.991.179.330	9.991.179.330

Quyền sử dụng đất có thời hạn đến ngày 09/07/2062 tại thửa đất số 159, xã Đa Phước, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 595,8 m².

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2016	01/01/2016
Xây dựng nhà 363 Hưng Phú	-	3.037.559.656
Cộng	-	3.037.559.656

17. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Công ty CP Dịch Vụ Xuất Bản Giáo Dục Hà Nội	1.338.495.859	1.348.393.359
Công ty CP Sách Giáo Dục tại TP. Hà Nội	728.434.687	963.131.829
Trương Kim Oanh	832.000.000	802.000.000
Ngô Ngọc Nhị (Lâm Đồng)	682.425.000	682.425.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo Dục Hà Nội	2.226.850.205	499.556.663
Công ty CP Đầu tư và Phát triển trường Phổ thông công nghệ giáo dục	2.240.830.930	280.738.760
Các đối tượng khác	12.516.825.655	5.037.458.659
Cộng	20.565.862.336	9.613.704.270

Trong đó: Phải trả người bán là các bên có liên quan

Công ty liên quan	30/06/2016	01/01/2016
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	701.217.560	59.548.075
Tạp Chí Toán Học Và Tuổi Trẻ	28.250.550	6.101.022
Công ty CP Sách Dân Tộc	726.154.013	412.474.453
Công ty CP Sách Đại Học Dạy nghề	325.669.270	228.106.170
Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Giáo dục Đà Nẵng	40.724.752	137.167.072
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	2.226.850.205	499.556.663
Công ty CP Dịch Vụ Xuất Bản Giáo dục Gia Định	268.811.644	368.811.644
Công ty CP Dịch Vụ Xuất Bản Giáo dục Hà Nội	1.338.495.859	1.348.393.359
Nhà Xuất Bản Giáo dục tại TP. HCM	699.268.984	122.166.830
Nhà Xuất Bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	131.250.000	-
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo dục Miền Bắc	400.397.930	271.539.290
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo dục Miền Nam	1.758.900.834	106.562.867
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	399.580.831	375.025.133
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	728.434.687	963.131.829
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP Hồ Chí Minh	947.414.765	-
Các đối tượng khác	291.876.021	65.823.372
Cộng	11.013.297.905	4.964.407.779

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Trường Tiểu học Tâm Vu	34.766.000	-
Phòng Giáo Dục và Đào tạo Q. Bình Thạnh	45.224.162	-
Công ty CP Công Nghệ Giáo Dục 3A	-	12.918.850
Phòng Giáo dục và Đào Tạo huyện Bến Lức	-	19.421.284
Trường Tiểu Học Tô Vĩnh Diện	27.157.000	-
Trường THCS Đặng Trần Côn	30.000.000	-
Công Ty TNHH Bibook	27.615.334	-
Các đối tượng khác	100.658.521	12.804.349
Cộng	265.421.017	45.144.483

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

a. Phải nộp

	Đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	32.079.839	488.896.497	276.944.954	244.031.382
Thuế thu nhập cá nhân	89.647.075	309.935.358	381.503.927	18.078.506
Thuế môn bài	-	5.000.000	5.000.000	-
Cộng	121.726.914	803.831.855	663.448.881	262.109.888

b. Phải thu

	Đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT	111.339.931	534.417.801	592.303.081	169.225.211
Cộng	111.339.931	534.417.801	592.303.081	169.225.211

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Chi phí bản thảo, biên tập	3.545.794.948	2.139.794.948
Chi phí hoa hồng môi giới	925.840.062	814.623.992
Chi phí khác	30.000.000	67.691.000
Cộng	4.501.635.010	3.022.109.940

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2016	01/01/2016
Cổ tức phải trả	2.203.500	2.203.500
Phải trả khác	7.200.000	30.150.000
Cộng	<u>9.403.500</u>	<u>32.353.500</u>

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2015	41.370.000.000	1.712.000.000	(2.035.282.090)	4.894.634.920	8.567.707.536
Tăng trong năm	-	-	-	-	4.235.663.250
Giảm trong năm	-	-	-	-	3.855.600.000
Số dư tại 31/12/2015	<u>41.370.000.000</u>	<u>1.712.000.000</u>	<u>(2.035.282.090)</u>	<u>4.894.634.920</u>	<u>8.947.770.786</u>
Số dư tại 01/01/2016	41.370.000.000	1.712.000.000	(2.035.282.090)	4.894.634.920	8.947.770.786
Tăng trong kỳ	-	515.438.218	1.355.408.186	-	2.146.022.834
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	4.121.300.000
Số dư tại 30/06/2016	<u>41.370.000.000</u>	<u>2.227.438.218</u>	<u>(679.873.904)</u>	<u>4.894.634.920</u>	<u>6.972.493.620</u>

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2016	01/01/2016
Vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	6.320.000.000	6.320.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	34.110.000.000	32.236.000.000
Cổ phiếu quỹ (*)	940.000.000	2.814.000.000
Cộng	<u>41.370.000.000</u>	<u>41.370.000.000</u>

(*) Công ty bán cổ phiếu quỹ theo nghị quyết hội đồng quản trị số 484/NQHĐQT-SGD ngày 27/11/2015. Theo đó, số lượng đăng ký bán là 281.400 cổ phiếu. Thời gian thực hiện bán cổ phiếu quỹ từ ngày 04/01/2016 đến ngày 02/02/2016. Kết thúc thời gian thực hiện giao dịch, số lượng cổ phiếu quỹ được bán là 187.400 cổ phiếu và số lượng cổ phiếu quỹ hiện có là 94.000 cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Cổ phiếu

	30/06/2016	01/01/2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.137.000	4.137.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.137.000	4.137.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.137.000	4.137.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	94.000	281.400
- Cổ phiếu phổ thông	94.000	281.400
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.043.000	3.855.600
- Cổ phiếu phổ thông	4.043.000	3.855.600
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	8.947.770.786	8.567.707.536
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.146.022.834	4.235.663.250
Phân phối lợi nhuận	4.121.300.000	3.855.600.000
Phân phối lợi nhuận kỳ trước (*)	4.121.300.000	3.855.600.000
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	78.300.000	-
- Trả cổ tức cho các cổ đông	4.043.000.000	3.855.600.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm	6.972.493.620	8.947.770.786

(*) Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 103/NQ-SGD ngày 25/03/2016.

23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Doanh thu sách giáo khoa, sách tham khảo	43.021.157.213	37.696.045.880
Doanh thu khác	113.182.843	77.992.023
Cộng	43.134.340.056	37.774.037.903

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. Các khoản giảm trừ doanh thu

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Hàng bán bị trả lại	22.577.250	174.323.683
Cộng	22.577.250	174.323.683

25. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Giá vốn sách giáo khoa, sách tham khảo	35.109.520.365	29.632.791.433
Giá vốn hoạt động khác	104.936.394	72.212.521
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	393.958.220	461.873.975
Cộng	35.608.414.979	30.166.877.929

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Lãi tiền gửi	123.121.213	316.190.480
Cổ tức, lợi nhuận được chia	481.070.000	154.140.000
Cộng	604.191.213	470.330.480

27. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Chiết khấu thanh toán	-	14.185.671
Trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính		68.950.000
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(137.485.860)	
Cộng	(137.485.860)	83.135.671

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Tiền lương	1.382.119.798	1.292.334.314
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	492.698.324	349.339.909
Các khoản khác	779.555.953	925.118.985
Cộng	2.654.374.075	2.566.793.208

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Tiền lương	1.315.211.872	1.182.098.551
Chi phí tiếp khách, hội nghị, khánh tiết	390.087.982	229.218.891
Các khoản khác	1.200.694.423	1.393.771.749
Cộng	2.905.994.277	2.805.089.191

29. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Thu nhập từ bán phế liệu, công cụ dụng cụ	4.545.455	-
Cộng	4.545.455	-

30. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Phạt chậm nộp, vi phạm hành chính thuế	54.282.672	-
Cộng	54.282.672	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.634.919.331	2.448.148.701
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(426.787.328)	(154.140.000)
- Điều chỉnh tăng	54.282.672	-
+ <i>Phạt chậm nộp, vi phạm hành chính thuế</i>	54.282.672	-
- Điều chỉnh giảm (cổ tức nhận được)	481.070.000	154.140.000
Tổng thu nhập chịu thuế	2.208.132.003	2.294.008.701
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	488.896.497	504.681.915
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh năm này	441.626.401	504.681.915
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm này	47.270.096	-

32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.146.022.834	1.943.466.786
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.146.022.834	1.943.466.786
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	4.018.708	3.855.600
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	534	504

33. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.717.025.500	7.258.128.224
Chi phí nhân công	2.697.331.670	2.474.432.865
Chi phí khấu hao tài sản cố định	218.390.069	263.924.676
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.956.233.967	8.373.207.071
Chi phí khác bằng tiền	2.034.275.851	2.254.071.491
Cộng	21.623.257.057	20.623.764.327

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

34. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là xuất bản, kinh doanh sách và thiết bị giáo dục và bộ phận địa lý chính là nước Việt Nam.

35. Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa, nguyên liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc biến động giá. Tuy nhiên, nhà cung cấp chủ yếu là các Công ty thành viên của Nhà xuất bản và đặc thù của lĩnh vực giáo dục là giá mua vào ổn định, ít biến động. Do đó, Công ty cho rằng rủi ro về giá hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty bao gồm các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và các đại lý, Sở giáo dục, trường học... , các Công ty không nằm trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam:

- Đối với khách hàng là các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam: Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.
- Đối với khách hàng là các đại lý, Sở Giáo dục, trường học, các Công ty không thuộc hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam: Công ty có quy định chặt chẽ về điều khoản thanh toán trong hợp đồng mua bán, theo đó quy định hạn mức nợ tối đa cho phép của khách hàng. Ban Giám đốc Công ty cho rằng với chính sách về tín dụng được quy định cụ thể như vậy sẽ giảm thiểu được rủi ro tín dụng trọng yếu với các khách hàng này.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

30/06/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	20.565.862.336	-	20.565.862.336
Chi phí phải trả	4.501.635.010	-	4.501.635.010
Phải trả khác	9.403.500	-	9.403.500
Cộng	25.076.900.846	-	25.076.900.846
01/01/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	9.613.704.270	-	9.613.704.270
Chi phí phải trả	3.022.109.940	-	3.022.109.940
Phải trả khác	32.353.500	-	32.353.500
Cộng	12.668.167.710	-	12.668.167.710

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

30/06/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.895.179.712	-	7.895.179.712
Đầu tư tài chính	2.305.231.700	840.000.000	3.145.231.700
Phải thu khách hàng	18.932.982.609	-	18.932.982.609
Phải thu khác	221.804.162	1.117.450.000	1.339.254.162
Cộng	29.355.198.183	1.957.450.000	31.312.648.183
01/01/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.068.713.062	-	11.068.713.062
Đầu tư tài chính	1.937.231.660	840.000.000	2.777.231.660
Phải thu khách hàng	10.738.628.769	-	10.738.628.769
Phải thu khác	349.198.222	1.117.450.000	1.466.648.222
Cộng	24.093.771.713	1.957.450.000	26.051.221.713

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

36. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	Công ty đầu tư
NXBGD tại TP. Hà Nội	Công ty đầu tư
NXBGD tại TP. Đà Nẵng	Công ty đầu tư
NXBGD tại TP. Hồ Chí Minh	Công ty đầu tư
CN NXBGD tại TP. Cần Thơ	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường học Đồng Nai	Công ty con
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Tạp Chí Toán Học Và Tuổi Trẻ	Chung công ty đầu tư
Tạp Chí Toán Tuổi Thơ	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Dân Tộc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Đại Học Dạy nghề	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát Triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát Triển Giáo dục Phương Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Xuất Bản Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất Bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất Bản Giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất Bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học Liệu (EMCO)	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Mĩ Thuật Và Truyền Thông	Chung công ty đầu tư
CN Nhà Xuất Bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo dục Miền Bắc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo dục Cửu Long	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo dục Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo dục Miền Trung	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Dịch và Từ Điển Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Tiền Giang	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Trà Vinh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Vĩnh Long	Chung công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ kế toán

Công ty liên quan	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Bán hàng		
Công ty CP Sách Đại Học Dạy nghề	952.000	13.552.560
Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Giáo Dục Phương Nam	9.090.259.646	8.246.546.245
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường học Đồng Nai	284.742.375	296.889.618
Công ty CP Dịch Vụ Xuất Bản Giáo Dục tại Đà Nẵng	215.580.000	210.000
Công ty CP Học Liệu (EMCO)	271.684.700	185.941.190
CN Nhà Xuất Bản Giáo Dục tại TP. Cần Thơ	15.687.670	75.597.170
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam	48.766.572	13.611.220
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo Dục Cửu Long	214.762.880	199.558.653
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo Dục Miền Nam	199.339.166	75.558.110
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo Dục Miền Trung	173.914.000	75.100.260
Công ty CP Sách Giáo Dục tại TP. Đà Nẵng	2.135.279.992	1.995.664.966
Công ty CP Sách Giáo Dục tại TP. Hà Nội	1.765.149.516	3.017.600.110
Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Giáo Dục Đà Nẵng	158.432.320	-
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	271.729.010	5.620.800
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo Dục Bình Dương	373.321.065	314.149.435
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	182.160.240	203.656.380
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Tiền Giang	1.175.240.486	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Trà Vinh	37.827.370	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Vĩnh Long	637.548.380	474.493.578
Mua hàng		
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	1.682.051.600	1.990.201.280
Tạp Chí Toán Học Và Tuổi Trẻ	42.982.698	67.757.226
Công ty CP Sách Dân Tộc	1.013.679.560	1.296.389.080
Công ty CP Sách Đại Học Dạy nghề	198.515.100	258.507.440
Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Giáo Dục Đà Nẵng	141.990.000	210.377.240
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo Dục Hà Nội	2.427.293.542	172.150.586
Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Giáo Dục Phương Nam	1.888.840.269	2.914.141.845
Công ty CP Dịch Vụ Xuất Bản Giáo Dục Gia Định	-	303.742.500
Công ty CP Dịch Vụ Xuất Bản Giáo Dục Hà Nội	590.102.500	1.229.026.000
Công ty CP Mĩ Thuật Và Truyền Thông	77.133.180	51.130.200
Nhà Xuất Bản Giáo Dục tại TP. HCM	977.102.154	1.597.735.341
Nhà Xuất Bản Giáo Dục tại TP. Đà Nẵng	143.062.500	39.375.000
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo Dục Miền Bắc	400.397.930	63.553.440
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo Dục Cửu Long	141.656.167	1.445.641.780
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo Dục Miền Nam	2.612.818.458	3.596.886.664
Công ty CP Sách Giáo Dục tại TP. Đà Nẵng	2.159.835.720	3.015.517.870
Công ty CP Sách Giáo Dục tại TP. Hà Nội	2.445.129.174	1.232.789.870

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Các giao dịch khác

		6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Ban Giám đốc	Tiền lương, tiền thưởng	384.399.000	457.631.000
Hội đồng quản trị	Tiền thù lao	76.800.000	132.200.000

36. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

37. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, số liệu so sánh của Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015. Các báo cáo tài chính này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.

Phó Giám đốc



Nguyễn Tuấn Kiệt

Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2016

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Bùi Tuyết Mai

